TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tự

Ông Nguyễn Thành Quyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Quyền T, sinh năm 1990; Trú tại: ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

Bị đơn: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1994; Trú tại: ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị Quyền T trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị và anh Lê Văn T1 quen biết nhau từ năm 2017 sau thời gian tự tìm hiểu và được gia đình hai bên thống nhất tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi đám cưới cả hai có thực hiện đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Khi đó cả hai về sống bên gia đình chồng tại ấp H, thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang đến cuối năm 2022 cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không thể hàn gắn được. Dù cả hai dành cho nhau nhiều cơ hội nhưng không thành. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Hồ Thị Quyền T xin ly hôn với anh Lê Văn T1; Về con chung, có một con chung cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 20/7/2018 (giới tính nam), hiện đang sinh sống với chị T khi ly hôn chị T dành

quyền nuôi con chung và chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T1 trong quá trình giải quyến vụ án trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản, anh thống nhất với nội dung trình bày của chị T và anh có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân không thống nhất ly hôn với chị T; Về con chung, nếu có ly hôn thì thống nhất giao con chung cho chị T nuôi và anh chưa phải cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có. Trong nội dung đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Văn T1 thống nhất ly hôn với chị Hồ Thị Quyền T và thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Hồ Thị Quyền T và bị đơn anh Lê Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Tại phiên tòa nguyên đơn chị T vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn anh T1. Nguyên đơn chị T xác định không còn tình cảm với bị đơn, dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Trong khi đó, trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt của bị đơn anh T1 trình bày thống nhất ly hôn với chị T. Từ đó cho thấy cả chị T và anh T1 không mong muốn hàn gắn hôn nhân nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Xét quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Hồ Thị Quyền T được ly hôn với bị đơn anh Lê Văn T1 được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn chị Hồ Thị Quyền T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 20/7/2018 (giới tính nam) và bị đơn anh T1 thống nhất giao cho bị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó chị T được quyền tiếp

tục nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, nguyên đơn chị T và bị đơn anh T1 không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Hồ Thị Quyền T được ly hôn với bị đơn anh Lê Văn T1.

2. Về con chung: Chị Hồ Thị Quyền T được trực tiếp nuôi dưỡng Lê Hoàng D, sinh ngày 20/7/2018 (giới tính nam). Anh Lê Văn T1 chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lê Văn T1, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Hồ Thị Quyền T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006525 ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu